

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

TỔNG HỢP DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN CHO HỘ NGHÈO
CỦA CÁC XÃ, THỊ TRẤN QUÝ I- NĂM 2023
(55.400 đồng/hộ/tháng)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Xã, thị trấn	Số hộ nghèo trong sổ quản lý	Số hộ nghèo đề nghị hỗ trợ tiền điện	Số tiền	Ghi Chú
1	TT Gia Lộc	61	61	10,138,200	
2	Đoàn Thượng	11	12	1,994,400	
3	Đồng Quang	54	53	8,808,600	
4	Đức Xương	28	27	4,487,400	
5	Gia Tân	28	28	4,653,600	
6	Gia Khánh	19	19	3,157,800	
7	Gia Lương	33	33	5,484,600	
8	Hồng Hưng	50	49	8,143,800	
9	Hoàng Diệu	51	51	8,476,200	
10	Lê Lợi	32	32	5,318,400	
11	Nhật Tân	24	24	3,988,800	
12	Phạm Trấn	38	37	6,149,400	
13	Quang Minh	11	11	1,828,200	
14	Thống Nhất	32	32	5,318,400	
15	Thống Kênh	31	31	5,152,200	
16	Toàn Thắng	34	34	5,650,800	
17	Tân Tiến	37	36	5,983,200	
18	Yết Kiêu	104	103	17,118,600	
	Tổng cộng	678	673	111,852,600	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ ĐOÀN THƯỢNG
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

TT	Họ và tên các thành viên hộ	Thôn, khu dân cư	Số tháng	Số tiền/tháng	Thành tiền	Ghi chú
1	Đặng Thị Ngọng	Thôn Lúa	3	55,400	166,200	
2	Lê Thị Cải	Thôn Lúa	3	55,400	166,200	
3	Lê Thị Đào	Thôn Lúa	3	55,400	166,200	
4	Bùi Thị Ca	Thôn Đuôi	3	55,400	166,200	
5	Nguyễn Thị Thoảng	Thôn Đuôi	3	55,400	166,200	
6	Trần Thị Hoài	Thung Độ	3	55,400	166,200	
7	Đặng Thị Xá	Đĩnh Đào	3	55,400	166,200	
8	Vũ Thị Mốt	Đĩnh Đào	3	55,400	166,200	
9	Trần Văn Thuần	Thôn Cáy	3	55,400	166,200	
10	Vũ Thị Thúy	Thôn Cáy	3	55,400	166,200	
11	Đào Thị Diu	Thôn Tháng	3	55,400	166,200	
12	Bùi Thị Hồng	Thôn Đuôi	3	55,400	166,200	
Tổng số:		12			1,994,400	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ ĐỒNG QUANG
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Số TT	Số hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người trong hộ	Số tiền 55400/1tháng g	Ghi chú
1	1	Tạ Thị Cậy	Đôn Thư	1	166,200	
2	2	Phạm Thị Liên	Đôn Thư	2	166,200	
3	3	Phạm Thị Nhị	Đôn Thư	1	166,200	
4	4	Cao Thị Nhã	Đôn Thư	1	166,200	
5	5	Đào Thị Then	Đôn Thư	1	166,200	
6	6	Đào Duy Thích	Đôn Thư	2	166,200	
7	7	Nguyễn Văn Tùng	Đôn Thư	4	166,200	
8	8	Nguyễn Thị Đông	An Thư	4	166,200	
9	9	Vũ Văn Tấn	An Thư	4	166,200	
10	10	Vũ Thị Nhùy	An Thư	2	166,200	
11	11	Phạm Thị Lùng	An Thư	2	166,200	
12	12	Trương Thị Tin	An Thư	1	166,200	
13	13	Nguyễn Thị Sính	An Thư	4	166,200	
14	14	Trương Thị Chạy	An Thư	1	166,200	
15	15	Vũ Đình Vạn	An Thư	6	166,200	
16	16	Vũ Thị Tám	An Thư	2	166,200	
17	17	Nguyễn Văn Thuận	An Thư	2	166,200	
18	18	Vũ Thị Vòng	An Thư	1	166,200	
19	19	Vũ Thị Xính	An Thư	1	166,200	
20	20	Vũ Văn Bưởi	An Thư	2	166,200	
21	21	Đoàn Thị Me	Vĩnh Duệ	1	166,200	
22	22	Trần Thị Vui	Vĩnh Duệ	1	166,200	

23	23	Nguyễn Thị Tuyết	Vĩnh Duệ	2	166,200	
24	24	Đoàn Văn Thường	Vĩnh Duệ	1	166,200	
25	25	Nguyễn Văn Vững	Vĩnh Duệ	2	166,200	
26	26	Nguyễn Thị Nhu	Quang Tiền	2	166,200	
27	27	Phạm Thị Cải	Quang Tiền	2	166,200	
28	28	Nguyễn Thị Lý	Quang Tiền	1	166,200	
29	29	Bùi Đình Đoàn	Quang Tiền	5	166,200	
30	30	Vũ Thị Diễm	Quang Tiền	1	166,200	
31	31	Nguyễn Thị Tình	Quang Tiền	1	166,200	
32	32	Bùi Văn Các	Quang Tiền	2	166,200	
33	34	Nguyễn Thị Thảo	Đông Trại	2	166,200	
34	35	Nguyễn Thị Lý	Đông Trại	1	166,200	
35	36	Nguyễn Thị Uyên	Đông Trại	2	166,200	
36	37	Bùi Thị Xuyên	Đông Trại	3	166,200	
37	38	Nguyễn Thị Diên	Đông Trại	2	166,200	
38	39	Phạm Thị Lộ	Đông Hạ	1	166,200	
39	40	Nguyễn Thị Bình	Đông Hạ	1	166,200	
40	41	Nguyễn Thị Năm	Đông Hạ	1	166,200	
41	42	Nguyễn Thị Nhắc	Đông Hạ	1	166,200	
42	43	Nguyễn Thị Xính	Đông Hạ	1	166,200	
43	44	Nguyễn Thị Bình	Đông Hạ	1	166,200	
44	45	Nguyễn Thị Bé	Đông Hạ	1	166,200	
45	46	Nguyễn Thị Liễu	Đông Hạ	1	166,200	
46	47	Nguyễn Văn Viễn	Đông Hạ	5	166,200	
47	48	Trần Thị Dư	Đông Thượng	1	166,200	
48	49	Vũ Thị Tự	Đông Thượng	1	166,200	
49	50	Nguyễn Thị Tin	Đông Thượng	4	166,200	
50	51	Nguyễn Thị Tọa	Đông Thượng	1	166,200	
51	52	Tạ Thị Bám	Đông Thượng	1	166,200	

52	53	Trần Thị Nghĩa	Đông Thượng	1	166,200	
53	54	Phạm Thị Hảo	Đông Thượng	4	166,200	
		Tổng			8,808,600	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ ĐỨC XƯƠNG
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người trong hộ	Số tiền 55400/1tháng	Ghi chú
1	Phạm Thị Bình	Thôn An Vệ - Xã Đức Xương	1	166,200	
2	Nguyễn Thị Mách	Thôn An Vệ - Xã Đức Xương	1	166,200	
3	Nguyễn Thị Duyên	Thôn An Vệ - Xã Đức Xương	2	166,200	
4	Phạm Thị Hiền	Thôn An Vệ - Xã Đức Xương	3	166,200	
5	Nguyễn Văn Công	Thôn An Vệ - Xã Đức Xương	2	166,200	
6	Vũ Thị Le	Thôn An Vệ - Xã Đức Xương	3	166,200	
7	Phạm Thị Hân	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
8	Phạm Thị Tứ	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	2	166,200	
9	Phạm Thị Lam	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
10	Phạm Thị Nho	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
11	Nguyễn Thị Ngánh	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
12	Phạm Thị Dẻo	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
13	Trịnh Thị Long	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
14	Đoàn Thị Hải	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
15	Phạm Thị Dung	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	2	166,200	
16	Phạm Thị Luyến	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
17	Nguyễn Thị Khuyên	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
18	Trần Thị Tân	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
19	Phạm Thị Khuyên	Thôn An Cư 1 - Xã Đức Xương	1	166,200	
20	Phạm Đăng Đức	Thôn An Cư 2 - Xã Đức Xương	1	166,200	
21	Phạm Thị Biên	Thôn An Cư 2 - Xã Đức Xương	2	166,200	

22	Phạm Thị Nam	Thôn An Cư 2 - Xã Đức Xương	1	166,200	
23	Phạm Thị Tâm	Thôn An Cư 2 - Xã Đức Xương	1	166,200	
24	Phạm Thị Hót	Thôn An Cư 2 - Xã Đức Xương	3	166,200	
25	Phạm Thị Vượng	Thôn An Cư 2 - Xã Đức Xương	2	166,200	
26	Đinh Văn Chấn	Thôn Thọ Xương - Xã Đức Xương	1	166,200	
27	Phạm Văn Đức	Thôn Thọ Xương - Xã Đức Xương	1	166,200	
	Tổng Cộng	27		4,487,400	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ GIA TÂN
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Số TT hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ (55.400đồng X 3 tháng)	GHI CHÚ
1	1	Tăng Thị Khác	Phúc Tân	1	166,200	
2	2	Tăng Thị Lực	Phúc Tân	1	166,200	
3	3	Nguyễn Thị Lên	Phúc Tân	1	166,200	
4	4	Nguyễn Thị Thê	Phúc Tân	1	166,200	
5	5	Phạm Thị Ngọt	Phúc Tân	1	166,200	
6	6	Nguyễn Thị Miền	Phúc Tân	1	166,200	
7	7	Hồ Thị Thường	Phúc Tân	3	166,200	
8	8	Tăng Văn Hưởng	Phúc Tân	2	166,200	
9	9	Nguyễn Văn Chung	Phúc Tân	2	166,200	
10	10	Tăng Thị Nụ	Phúc Tân	1	166,200	
11	11	Lê Thị Loan	Phúc Tân	1	166,200	
12	12	Nguyễn Thị Mìn	Phúc Tân	1	166,200	
13	13	Phạm Thị Nhuận	L Xuyên	1	166,200	
14	14	Phạm Thị Lê	L Xuyên	1	166,200	
15	15	Phạm Thị Linh	L Xuyên	1	166,200	
16	16	Lê Thị Loan	L Xuyên	1	166,200	
17	17	Nguyễn Thị Khánh	L Xuyên	1	166,200	
18	18	Nguyễn Thị Phụ	L Xuyên	1	166,200	
19	19	Phạm Viết Trứ	L Xuyên	1	166,200	
20	20	Nguyễn Văn Kha	L Xuyên	4	166,200	
21	21	Nguyễn Thị Phương	L Xuyên	1	166,200	
22	22	Phạm Thị Chàng	An Tân	3	166,200	
23	23	Nguyễn Thị Lý	An Tân	1	166,200	
24	24	Nguyễn Thị Thuân	An Tân	1	166,200	
25	25	Nguyễn Thị Đỏ	An Tân	1	166,200	
26	26	Nguyễn Đình Duyên	An Tân	1	166,200	

27	27	Phạm Thị Nhữ	An Tân	2	166,200	
28	28	Nguyễn Hữu Luân	An Tân	5	166,200	
		Tổng cộng			4,653,600	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ LÊ LỢI
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	HỌ TÊN HỘ	Thôn	Số tiền	Ghi chú
1	Bùi Thị Thuyền	Thôn Lại	166,200	
2	Bùi Thị Len	Thôn Lại	166,200	
3	Nguyễn Xuân Kiều	Thôn Lại	166,200	
4	Tăng Văn Thuận	Thôn Lại	166,200	
5	Vũ Thị Nén	Thôn Già	166,200	
6	Lê Thị Buộm	Thôn Già	166,200	
7	Phạm Thị Lý	Thôn Già	166,200	
8	Phạm Thanh Quyên	Thôn Già	166,200	
9	Nguyễn Thị Thê	Thôn Chuối	166,200	
10	Lê Thị Thúy	Thôn Chuối	166,200	
11	Nguyễn Thị Duyên	Thôn Chuối	166,200	
12	Trịnh Thị Liên	Thôn Chuối	166,200	
13	Phạm Thị Cẩm	Dôi hồng	166,200	
14	Phạm Thị Thu	Dôi hồng	166,200	
15	Phạm Thị Bé	Dôi hồng	166,200	
16	Phạm Văn Lượng	Dôi hồng	166,200	
17	Lê Xuân Đức	Thôn Anh	166,200	
18	Lê Xuân Thu	Thôn Anh	166,200	
19	Lương Văn Tá	Thôn Anh	166,200	
20	Đặng Thị Tẹo	Bùi Thượng	166,200	

21	Đinh Quang Tặng	Bùi Thượng	166,200	
22	Đinh Văn Năm	Bùi Thượng	166,200	
23	Phạm Văn Đảo	Bùi Thượng	166,200	
24	Nguyễn Văn Lối	Bùi Thượng	166,200	
25	Phạm Thị Nhánh	Bùi Thượng	166,200	
26	Phạm Thị Hồi	Bùi Thượng	166,200	
27	Phạm Thế Hăng	Bùi Thượng	166,200	
28	Phạm Văn Vọng	Bùi Hạ	166,200	
29	Nguyễn Thị Đoàn	Bùi Hạ	166,200	
30	Nguyễn Thị Núi	Bùi Hạ	166,200	
31	Trần Thị Hương	Bùi Hạ	166,200	
32	Phạm Thị Vui	Bùi Hạ	166,200	
	Tổng 32 hộ		5,318,400	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO HOÀNG DIỆU
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Số TT	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ (55.400 đ x 3 tháng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hương	Phong Lâm	3	166,200	
2	Bùi Thị Sen	Phong Lâm	3	166,200	
3	Bùi Văn Hưởng	Phong Lâm	4	166,200	
4	Trần Thị Trinh	Phong Lâm	1	166,200	
5	Vũ Thị Sự	Phong Lâm	3	166,200	
6	Trần Thị Dĩnh	Phong Lâm	1	166,200	
7	Dương Văn Thùy	Phong Lâm	3	166,200	
8	Phạm Thọ Tuấn	Phong Lâm	2	166,200	
9	Ngô Văn Hải	Phong Lâm	1	166,200	
10	Đỗ Thị Nhuận	Văn Lâm	1	166,200	
11	Phạm Thị Tý	Văn Lâm	1	166,200	
12	Phạm Thị Lợi	Văn Lâm	1	166,200	
13	Phạm Thị Ly	Văn Lâm	3	166,200	
14	Phạm Thị Lan	Văn Lâm	1	166,200	
15	Nguyễn Thị Ngọ	Trúc Lâm	1	166,200	
16	Nguyễn Thị Tuyết	Trúc Lâm	1	166,200	
17	Cao Thị Thảo	Trúc Lâm	1	166,200	
18	Cao Thị Được	Trúc Lâm	1	166,200	
19	Trần Thị Xuyên	Trúc Lâm	1	166,200	
20	Phạm Thị Hạp	Trúc Lâm	1	166,200	
21	Phạm Thị Xuyên	Trúc Lâm	1	166,200	

22	Trần Thị Bướm	Trúc Lâm	6	166,200	
23	Nguyễn Thế Lý	Nghĩa Hy	3	166,200	
24	Vũ Văn Sơn	Nghĩa Hy	1	166,200	
25	Bùi Văn Tuyên	Nghĩa Hy	5	166,200	
26	Nguyễn Đăng Minh	Nghĩa Hy	2	166,200	
27	Lê Thị Tuyên	Lai Hà	1	166,200	
28	Nguyễn Thị Thuần	Lai Hà	2	166,200	
29	Nguyễn Thị Phụng	Lai Hà	4	166,200	
30	Hoàng Thị Doi	Lai Hà	1	166,200	
31	Đặng Văn Cương	Lai Hà	6	166,200	
32	Phạm Thị Hạ	Lai Hà	2	166,200	
33	Nguyễn Thị Hoi	Lai Hà	1	166,200	
34	Nguyễn Văn Bột	Lai Hà	2	166,200	
35	Đoàn Thị Bé	Đại Lương	1	166,200	
36	Nguyễn Thị Bé	Đại Lương	1	166,200	
37	Nguyễn Thị Mùa	Đại Lương	1	166,200	
38	Nguyễn Thị Trách	Đại Lương	2	166,200	
39	Nguyễn Thị Xoan	Đại Lương	1	166,200	
40	Vũ Thị Dự	Đại Lương	1	166,200	
41	Vũ Văn Tiến	Đại Lương	4	166,200	
42	Nguyễn Thị Chiu	Đại Lương	1	166,200	
43	Nguyễn Thị Kim	Đại Lương	1	166,200	
44	Phạm Thị Thịnh	Đại Lương	1	166,200	
45	Lê Thị Liên	Đại Lương	1	166,200	
46	Nguyễn Đức Ngọc	Đại Lương	4	166,200	
47	Phạm Thị Bé	Long Trảng	1	166,200	
48	Phạm Thị Phiến	Long Trảng	1	166,200	
49	Phạm Duy Lương	Long Trảng	2	166,200	

50	Phạm Thị Hằng	Long Tràng	1	166,200	
51	Phạm Thị Từ	Long Tràng	1	166,200	
	Tổng			8,476,200	

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO HỒNG HƯNG
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Số TT	Số TT trong sổ quản lý hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người/hộ	Tổng số tiền được hỗ trợ (55.400 đồng/tháng)	Ghi chú
1	1	Phạm Thị Dung	Phương Khê	1	166,200	
2	2	Vũ Thị Thái	Phương Khê	1	166,200	
3	3	Nguyễn Thị Năm	Phương Khê	2	166,200	
4	4	Nguyễn Thị Gái	Phương Khê	1	166,200	
5	5	Nguyễn Văn Quân	Phương Khê	5	166,200	
6	6	Đặng Đình ấm	Phương Khê	3	166,200	
7	7	Trần Thị Lài	Phương Khê	3	166,200	
8	8	Nguyễn Thị Ninh	Phương Khê	3	166,200	
9	9	Đặng Thị Xuân	Phương Khê	1	166,200	
10	10	Vũ Hồng Thắng	Phương Khê	4	166,200	
11	11	Phạm Thị Tâm	Thị Xá	1	166,200	
12	12	Nguyễn Thị Liệu	Thị Xá	1	166,200	
13	13	Nguyễn Thị Thính	Thị Xá	1	166,200	
14	14	Nguyễn Thị Câm	Thị Xá	1	166,200	
15	15	Phạm Văn Thứ	Thị Xá	2	166,200	
16	16	Nguyễn Thị Tuyên	Thị Xá	2	166,200	

17	17	Phạm Thị Nguyệt	Thị Xá	1	166,200	
18	18	Đặng Minh Huyền	Thị Xá	3	166,200	
19	19	Đặng Thị Lựu	Thị Xá	2	166,200	
20	20	Lê Thị Hương	Thị Xá	4	166,200	
21	21	Đào Xuân lệ	Thị Xá	2	166,200	
22	22	Nguyễn Đức Cải	Thị Xá	2	166,200	
23	23	Đặng Thị Mơ	Thị Xá	1	166,200	
24	24	Phạm Thị Ngoãn	Hoàng Xá	1	166,200	
25	25	Lê Thị Hiền	Hoàng Xá	1	166,200	
26	26	Lưu Thị Quê	Hoàng Xá	1	166,200	
27	27	Phạm Văn Thắng	Hoàng Xá	4	166,200	
28	28	Phạm Văn Tới	Hoàng Xá	3	166,200	
29	29	Nguyễn Đức Bôn	Cát Hậu	3	166,200	
30	30	Nguyễn Đức Nam	Cát Hậu	4	166,200	
31	31	Hà Thị Pha	Cát Hậu	1	166,200	
32	32	Lương Thị Chang	Cát Hậu	2	166,200	
33	33	Lê Thị Độ	Cát Tiên	1	166,200	
34	35	Lê Thị Cát	Cát Tiên	1	166,200	
35	36	Nguyễn Thị Luyến	Cát Tiên	1	166,200	
36	37	Lê Văn Sơn	Cát Tiên	2	166,200	
37	38	Lê Thị Ân	Cát Tiên	1	166,200	
38	39	Lê Văn Ngời	Cát Tiên	4	166,200	

39	40	Nguyễn Thị Ngãi	Phương Bằng	1	166,200	
40	41	Phạm Văn Ngự	Phương Bằng	4	166,200	
41	42	Nguyễn Thị Yêm	Phương Bằng	1	166,200	
42	43	Lê Thị Phô	Phương Bằng	1	166,200	
43	44	Nguyễn Thị Hôn	Phương Bằng	1	166,200	
44	45	Nguyễn Văn Thúc	Phương Bằng	5	166,200	
45	46	Phạm Văn Khoái	Phương Bằng	1	166,200	
46	47	Nguyễn Thị Thuận	Phương Bằng	1	166,200	
47	48	Phạm Thị Định	Phương Bằng	3	166,200	
48	49	Nguyễn Thị Diễm	Phương Bằng	1	166,200	
49	50	Nguyễn Thị Thoi	Phương Bằng	1	166,200	
Tổng			49		8,143,800	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO TÂN TIẾN
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Số TT hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn, khu dân cư	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ (55,400đồng x 3 tháng)	Ghi chú
1	1	NGUYỄN THỊ CHÉP	Quán Đào	1	166,200	
2	2	NGUYỄN TRUNG KÍN	Quán Đào	2	166,200	
3	3	NGUYỄN THỊ LỆP	Quán Đào	1	166,200	
4	4	LƯƠNG VĂN TRẢI	Quán Đào	1	166,200	
5	5	LƯƠNG VĂN TÙNG	Quán Đào	2	166,200	
6	6	NGUYỄN VĂN NGHỊ	Quán Đào	8	166,200	
7	7	ĐỖ VĂN DUYỆT	Quán Đào	2	166,200	
8	8	NGUYỄN VĂN TÁ	Quán Đào	1	166,200	
9	9	BÙI THỊ TUYẾN	Quán Đào	1	166,200	
10	10	PHẠM THỊ ĐÌA	Quán Đào	1	166,200	
11	11	ĐỒNG THỊ HÒA	Quán Đào	1	166,200	
12	12	NGUYỄN THỊ NÂNG	Quán Đào	1	166,200	
13	13	BÙI THỊ SẴN	Quán Đào	2	166,200	
14	14	PHẠM THỊ TUYẾN	Quán Đào	3	166,200	
15	15	ĐỖ THỊ BẠY	Quán Đào	2	166,200	
16	16	NGUYỄN THỊ NHẬN	Quán Đào	1	166,200	
17	17	VŨ VĂN TRIỆN	Quán Đào	1	166,200	
18	18	BÙI THỊ HÀ	Quán Đào	4	166,200	
19	19	NGUYỄN VĂN BÊ	Quán Đào	2	166,200	
20	20	PHẠM THỊ MIẾT	Quán Đào	3	166,200	
21	21	PHẠM THỊ MỸ	Quán Đào	1	166,200	
22	22	NGUYỄN THỊ THẮNH	Quán Đào	2	166,200	
23	23	PHẠM THỊ CẨM	Quán Đào	1	166,200	
24	24	PHẠM THỊ LẠM	Quán Đào	1	166,200	
25	25	LƯƠNG THỊ LIÊN	Quán Đào	1	166,200	
26	26	VŨ THỊ XUÂN	Quán Đào	1	166,200	
27	27	LÊ THỊ SÁNH	Đông Cạn	1	166,200	

28	28	PHẠM THỊ LỊNH	Đông Cộn	5	166,200	
29	29	LÊ THỊ BẢO	Đông Cộn	2	166,200	
30	30	LÊ THỊ LỮU	Đông Cộn	1	166,200	
31	31	LÊ THỊ KÍU	Đông Cộn	1	166,200	
32	32	ĐẶNG THỊ BÈ	Đông Cộn	1	166,200	
33	33	NGUYỄN THỊ NGOAN	Đông Cộn	1	166,200	
34	35	NGUYỄN THỊ DỄO	Tam Lương	3	166,200	
35	36	ĐOÀN VĂN MỎI	Tam Lương	2	166,200	
36	37	BÙI VĂN ĐẾN	Tam Lương	3	166,200	
		Tổng cộng			5,983,200	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO THỊ TRẤN GIA LỘC
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Số TT hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Khu	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ (55.300đồng X 3 tháng)	Ghi chú
1	1	Trần Thị Ước	Khu 2	3	166,200	
2	2	Mai Thị Cúc	Khu 2	1	166,200	
3	3	Hoàng Mai Hiệp	Khu 2	4	166,200	
4	4	Nguyễn Thị Thía	Khu 2	3	166,200	
5	5	Hoàng Thị Nuôi	Khu 2	4	166,200	
6	6	Nguyễn Thị Bé	Khu 2	2	166,200	
7	7	Nguyễn Thị Ngừng	Khu 2	1	166,200	
8	8	Nguyễn Thị Bong	Khu 2	1	166,200	
9	9	Bùi Thị Giâm	Khu 2	1	166,200	
10	10	Đỗ Thị Đỏ	Khu 3	1	166,200	
11	11	Hoàng Thị Nụ	Khu 3	1	166,200	
12	12	Mai Xuân Tuyền	Khu 3	1	166,200	
13	13	Nguyễn Thị Reo	Khu 3	3	166,200	
14	14	Đỗ Thị Búp	Khu 4	3	166,200	
15	15	Nguyễn Thị Bình	Khu 5	1	166,200	
16	16	Dương Thị Dung	Khu 5	1	166,200	
17	17	Lê Thị Quý	Khu 5	5	166,200	
18	18	Phạm Thị Năm	Khu 5	8	166,200	
19	19	Nguyễn Văn Cường	Khu 5	5	166,200	
20	20	Nguyễn Thị Tĩnh	Khu 5	1	166,200	

21	21	Phạm Quang Bề	Khu 6	1	166,200	
22	22	Phạm Thị Tĩnh	Khu 6	1	166,200	
23	23	Bùi Thị Quy	Khu 6	1	166,200	
24	24	Bùi Thị Thi	Khu 6	6	166,200	
25	25	Nguyễn Thị Thúy	Khu 6	1	166,200	
26	26	Đoàn Thị Dư	Khu 6	2	166,200	
27	27	Đoàn Thị Thơm	Khu 6	2	166,200	
28	28	Nguyễn Thị Lành	Khu 6	5	166,200	
29	29	Nguyễn Thị Thái	Khu 6	1	166,200	
30	30	Nguyễn Thị Thảo	Khu 6	4	166,200	
31	31	Đoàn Thị Tho	Khu 6	1	166,200	
32	32	Vũ Thị Mai	Khu 6	1	166,200	
33	33	Phạm Quang Châu	Khu 6	1	166,200	
34	34	Nguyễn Việt Hưng	Khu 6	1	166,200	
35	35	Bùi Thị Mai	Khu 6	1	166,200	
36	36	Bùi Thị Ngọt	Khu 7	2	166,200	
37	37	Nguyễn Thị Nhuận	Khu 7	1	166,200	
38	38	Bùi Thị Nhẫn	Khu 7	2	166,200	
39	39	Bùi Thị Liên	Khu 7	1	166,200	
40	40	Bùi Thị Đón	Khu 7	1	166,200	
41	41	Nguyễn Thị Tâm	Khu 7	1	166,200	
42	42	Dương Thị Thắm	Khu 7	1	166,200	
43	43	Nguyễn Thị Thái	Khu 7	4	166,200	
44	44	Đặng Thị Hạnh	Khu 7	6	166,200	
45	45	Nguyễn Thị My	Khu 8	5	166,200	
46	46	Nguyễn Thị Tâm	Khu 8	3	166,200	

47	47	Nguyễn Đình Cường	Khu 8	2	166,200	
48	48	Phạm Quang Đảo	Khu 8	1	166,200	
49	49	Nguyễn Thị Ngoãn	Khu 8	1	166,200	
50	50	Nguyễn Thị Hoài	Khu 8	1	166,200	
51	51	Đỗ Thị Được	Khu Ngà	1	166,200	
52	52	Hoàng Thị Dong	Khu Ngà	1	166,200	
53	53	Nguyễn Thị Là	Khu Ngà	1	166,200	
54	54	Đỗ Thị Thứ	Khu Ngà	2	166,200	
55	55	Nguyễn Thị Bằng	Khu Chằm	4	166,200	
56	56	Bùi Thị Sấn	Khu Chằm	2	166,200	
57	57	Nguyễn Thị Hạnh	Khu Chằm	2	166,200	
58	58	Đỗ Thị Hương	Khu Chằm	1	166,200	
59	59	Vũ Thị Bón	Khu Tó	3	166,200	
60	60	Nguyễn Thị Chuông	KhuTó	1	166,200	
61	61	Nguyễn Thị Liên	Khu Tó	1	166,200	
		Cộng: 61 hộ			10,138,200	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ NHẬT TÂN
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

TT	Họ và tên	Thôn	Số người/hộ	Tổng số tiền	Ký nhận
1	Trịnh Văn Khởi	Thị Đức	3	166,200	
2	Hoàng Thị Vệ	Thị Đức	1	166,200	
3	Nguyễn Thị Ghênh	Thị Đức	1	166,200	
4	Phạm Thị Miến	Thị Đức	1	166,200	
5	Nguyễn Thị Tín	Thị Đức	1	166,200	
6	Nguyễn Thị Thôn	Thị Đức	2	166,200	
7	Trịnh Thị Đức	Thị Đức	2	166,200	
8	Trịnh Văn Tuyên	Thị Đức	3	166,200	
9	Nguyễn Thị Tô	Thị Đức	1	166,200	
10	Nguyễn Văn Nhẻ	Cao Duệ	2	166,200	
11	Phạm Thị Hơ	Cao Duệ	2	166,200	
12	Phạm Thị Năm	Cao Duệ	1	166,200	
13	Phạm Thị Xâm	Cao Duệ	2	166,200	
14	Vũ Thị Kim	Cao Duệ	1	166,200	
15	Phạm Thị Thạo	Cao Duệ	1	166,200	
16	Vũ Thị Nụ	Cao Duệ	1	166,200	
17	Đoàn Văn Chúng	Cao Duệ	2	166,200	
18	Trần Văn Thôi	Cao Duệ	4	166,200	
19	Vũ Thị Dự	Cao Duệ	2	166,200	
20	Hoàng Thị Hường	Cao Duệ	2	166,200	
21	Nguyễn Thị Gái	Cao Duệ	1	166,200	
22	Nguyễn Thị Đào	Cao Duệ	2	166,200	
23	Hoàng Thị Gái	Cao Duệ	1	166,200	
24	Nguyễn Văn Tuyển	Cao Duệ	3	166,200	
Tổng cộng: 24				3,988,800	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ PHẠM TRẦN
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Số TT	Số TT trong sổ quản lý hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người/hộ	Tổng số tiền được hỗ trợ (55.400 đồng/tháng)	Ghi chú
1	1	Hoàng Đình Tuyến	Cầu Lâm	2	166,200	
2	2	Hoàng Thị Mười	Cầu Lâm	1	166,200	
3	3	Hoàng Đình Kích	Cầu Lâm	2	166,200	
4	4	Phạm Văn Hùng	Cầu Lâm	3	166,200	
5	5	Nguyễn Thị Te	Cầu Lâm	2	166,200	
6	6	Nguyễn Đức Dự	Cầu Lâm	2	166,200	
7	7	Dương Thị Chín	Quang Bị	1	166,200	
8	8	Nguyễn Thị Nhật	Quang Bị	3	166,200	
9	9	Nguyễn Thị Nụ	Quang Bị	1	166,200	
10	10	Đỗ Thị Thúy	Quang Bị	2	166,200	
11	11	Nguyễn Thị Nam	Quang Bị	1	166,200	
12	12	Đỗ Thị Nhu	Quang Bị	1	166,200	
13	13	Đỗ Văn Điện	Côi Thượng	2	166,200	
14	14	Vũ Văn Giáp	Côi Thượng	6	166,200	
15	15	Đỗ Thị Gái	Côi Thượng	1	166,200	
16	16	Hà Thị Sen	Côi Thượng	1	166,200	
17	17	Nguyễn Văn Dục	Côi Thượng	2	166,200	
18	18	Nguyễn Huỳnh	Côi Thượng	3	166,200	
19	19	Phạm Thị Ngoan	Côi Hạ	2	166,200	
20	20	Nguyễn Thị Vui	Côi Hạ	3	166,200	
21	21	Nguyễn Thị Phẩm	Côi Hạ	1	166,200	
22	22	Nguyễn Thị La	Côi Hạ	2	166,200	
23	23	Nguyễn Thị Bóc	Côi Hạ	1	166,200	

24	24	Nguyễn Đức Cẩn	Côi Hạ	5	166,200	
25	25	Trần Thị Gạo	Nam Cầu 1	1	166,200	
26	26	Hoàng Văn Tải	Nam Cầu 1	2	166,200	
27	27	Trần Thị Yên	Nam Cầu 1	2	166,200	
28	28	Hoàng Văn Trịnh	Nam Cầu 1	2	166,200	
29	29	Nguyễn Văn Tính	Nam Cầu 1	3	166,200	
30	30	Hoàng Thị Tươi	Nam Cầu 1	2	166,200	
31	31	Phạm Thị Hải	Nam Cầu 1	1	166,200	
32	32	Nguyễn Thị Hạp	Nam Cầu 2	1	166,200	
33	33	Phùng Danh Thùy	Nam Cầu 2	4	166,200	
34	35	Phạm Văn Hiền	Nam Cầu 2	4	166,200	
35	36	Nguyễn Thị Xa	Nam Cầu 2	3	166,200	
36	37	Phùng Thị Phương	Nam Cầu 2	1	166,200	
37	38	Phùng Danh Tới	Nam Cầu 2	1	166,200	
Tổng					6,149,400	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ QUANG MINH
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Số	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ (55.400 đồng x 3tháng)	Ghi chú
1	Phạm Thị Thường	Hậu Bông	2	166,200	
2	Phạm Thị Mải	Hậu Bông	4	166,200	
3	Phạm Văn Trào	Hậu Bông	2	166,200	
4	Nguyễn Thị Hiểu	Đông Hào	1	166,200	
5	Nguyễn Thị Thành	Đông Hào	3	166,200	
6	Nguyễn Thị Sánh	Minh Tân	2	166,200	
7	Phạm Thị Vinh	Minh Tân	1	166,200	
8	Vũ Thị Vụ	Đỗ Xuyên	2	166,200	
9	Vũ Thị Sinh	Đỗ Xuyên	2	166,200	
10	Vũ Văn Giang	Đông Cầu	4	166,200	
11	Đoàn Thị Luyện	Đông Cầu	1	166,200	
				1,828,200	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ THỐNG KÊNH
QUÍ II - NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Số TT hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ (55.400đồng X 3 tháng)	Ghi chú
1	1	Trần Thị Gái	Kênh Triều	1	166,200	
2	2	Phạm Thị Tôn	Kênh Triều	1	166,200	
3	3	Phạm Thị Máy	Kênh Triều	1	166,200	
4	4	Phạm Thị Đông	Kênh Triều	1	166,200	
5	5	Hồ Thị Hường	Kênh Triều	1	166,200	
6	6	Nguyễn Thị Lênh	Đồng Đội	1	166,200	
7	7	Vũ Thị The	Đồng Đội	2	166,200	
8	8	Vũ Thị Gái	Đồng Đội	1	166,200	
9	9	Vũ Thị Khê	Đồng Đội	1	166,200	
10	10	Nguyễn Thị Nhân	Đồng Đội	1	166,200	
11	11	Vũ Thị Luật	Đồng Đội	1	166,200	
12	12	Trần Thị Chích	Đồng Đội	1	166,200	
13	13	Phạm Thị Khiển	Đồng Đội	2	166,200	
14	14	Vũ Thị Phương	Đồng Đội	2	166,200	
15	15	Phạm Thị Phán	Đồng Đội	1	166,200	
16	16	Vũ Thị Lực	Đồng Đội	1	166,200	

17	17	Vũ Đình Túp	Đồng Đội	1	166,200	
18	18	Nguyễn Thị Gái	Đồng Tái	1	166,200	
19	19	Đặng Thị Ca	Đồng Tái	1	166,200	
20	20	Nguyễn Thị Thắm	Đồng Tái	1	166,200	
21	21	Nguyễn Thị Nhấp	Đồng Đức	1	166,200	
22	22	Đỗ Thị Diêm	Đồng Đức	2	166,200	
23	23	Nguyễn Thị Miên	Đồng Đức	1	166,200	
24	24	Nguyễn Thị Chính	Đồng Đức	1	166,200	
25	25	Nguyễn Thạc Diễm	Đồng Đức	2	166,200	
26	26	Nguyễn Thị Sỹ	Đồng Đức	1	166,200	
27	27	Đỗ Thị Nghè	Đồng Đức	1	166,200	
28	28	Nguyễn Thị Xóa	Đồng Đức	1	166,200	
29	29	Nguyễn Thị Tính	Đồng Đức	1	166,200	
30	30	Phạm Thị Sen	Lạc Thượng	1	166,200	
31	31	Hồ Thị Ngân	Lạc Thượng	3	166,200	
Tổng cộng					5,152,200	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHEÒ XÃ THỐNG NHẤT
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

Số TT	Số TT hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người/hộ	Tổng số tiền được hỗ trợ (54.400 đồng/tháng)	Ghi chú
1	1	Đoàn Thị Lái	Xóm Đoàn Ái - Vô Lượng	1	166,200	
2	2	Đoàn Thị Kết	Xóm Đoàn Ái - Vô Lượng	1	166,200	
3	3	Nguyễn Văn Đênh	Xóm Đoàn Ái - Vô Lượng	3	166,200	
4	4	Nguyễn Văn Sơn	Xóm Đoàn Ái - Vô Lượng	3	166,200	
5	5	Đoàn Thị Bục	Xóm Quang Trung - Vô Lượng	1	166,200	
6	6	Nguyễn Văn Thảo	Xóm Quang Trung - Vô Lượng	4	166,200	
7	7	Nguyễn Thị Chông	Xóm Quang Trung - Vô Lượng	1	166,200	
8	8	Đoàn Thị Nhí	Xóm Quang Trung - Vô Lượng	1	166,200	
9	9	Đoàn Văn Thoát	Xóm Tây Sơn - Vô Lượng	6	166,200	
10	10	Đoàn Thị Nhiên	Xóm Tây Sơn - Vô Lượng	1	166,200	
11	11	Nguyễn Thị Xửa	Xóm Kiên Quyết - Vô Lượng	8	166,200	
12	12	Nguyễn Thị Nhón	Xóm Kiên Quyết - Vô Lượng	2	166,200	
13	13	Lê Thị Đủ	Thôn Ty	1	166,200	
14	14	Đoàn Thị Thúy	Thôn Ty	2	166,200	
15	15	Vũ Thị Cẩn	Thôn Khay	1	166,200	
16	16	Nguyễn Thị Quán	Thôn Khay	2	166,200	
17	17	Nguyễn Văn Kiên	Thôn Khay	3	166,200	
18	18	Vũ Thị Phương	Thôn Trung	1	166,200	
19	19	Trần Thị Ngọc	Thôn Trung	2	166,200	
20	20	Nguyễn Thị Mỡ	Thôn Trung	1	166,200	
21	21	Nguyễn Mạnh Phương	Cẩm Cầu - Quỳnh Huê	1	166,200	
22	22	Trần Đăng Khanh	Xóm Đình - Quỳnh Huê	1	166,200	
23	23	Nguyễn Đình Hoạt	Xóm Đình - Quỳnh Huê	1	166,200	
24	24	Phạm Ngọc Tranh	Xóm Đình - Quỳnh Huê	2	166,200	

25	25	Đoàn Thu Thủy	Xóm Đình - Quỳnh Huê	2	166,200	
26	26	Phạm Thị Tảo	Xóm Giữa - Quỳnh Huê	1	166,200	
27	27	Phạm Đăng Khôi	Xóm Giữa - Quỳnh Huê	2	166,200	
28	28	Phạm Thị Mía	Xóm Vang - Quỳnh Huê	3	166,200	
29	29	Nguyễn Văn Miên	Xóm Vang - Quỳnh Huê	2	166,200	
30	30	Phạm Văn Đây	Xóm Cà - Quỳnh Huê	2	166,200	
31	31	Nguyễn Thị Kíp	Xóm Cà - Quỳnh Huê	1	166,200	
32	32	Phạm Thị Tinh	Xóm Cà - Quỳnh Huê	1	166,200	
Tổng cộng					5,318,400	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ TOÀN THẮNG
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Số TT Hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn, khu dân cư	Số người/hộ	Tổng số tiền được hỗ trợ (55.400 đồng/tháng)	Ghi chú
1	1	Nguyễn Thị Luyên	Bái Hạ	4	166,200	
2	2	Nguyễn Thị Thuần	Bái Hạ	1	166,200	
3	3	Lê Thị Thuận	Bái Hạ	4	166,200	
4	4	Nguyễn Thị Lẻ	Bái Hạ	1	166,200	
5	5	Nguyễn Thị Chinh	Bái Hạ	3	166,200	
6	6	Nguyễn Văn Chuông	Bái Hạ	4	166,200	
7	7	Nguyễn Văn Vần	Bái Hạ	3	166,200	
8	8	Nguyễn Văn Năm	Bái Hạ	3	166,200	
9	9	Bùi Thị Nữa	Bái Hạ	5	166,200	
10	10	Nguyễn Thị Mây	Bái Hạ	3	166,200	
11	11	Đoàn Thị In	Bái Thượng	2	166,200	
12	12	Nguyễn Văn Hào	Bái Thượng	2	166,200	
13	13	Nguyễn Thị Mây	Bái Thượng	1	166,200	
14	14	Nguyễn Văn Hựu	Phạm Trung	1	166,200	
15	15	Nguyễn Văn Ngân	Phạm Trung	3	166,200	
16	16	Phạm Thị Tơ	Phạm Trung	4	166,200	
17	17	Hoàng Thị Ninh	Phạm Trung	1	166,200	
18	18	Tăng Thị Mộc	Phạm Trung	1	166,200	
19	19	Phạm Văn Quang	Phạm Trung	2	166,200	
20	20	Đồng Thị Phát	Phạm Trung	4	166,200	
21	21	Bùi Thị Khuyên	Phạm Trung	1	166,200	
22	22	Nguyễn Văn Phụ	Phạm Trung	6	166,200	
23	23	Nguyễn Văn Phiếu	Phạm Trung	2	166,200	
24	24	Phạm Thị Nhẫn	Phạm Trung	1	166,200	
25	25	Phạm Thị Ngả	Phạm Trung	2	166,200	
26	26	Phạm Thị Rô	Phạm Trung	1	166,200	
27	27	Phạm Thị Ngọt	Phạm Trung	1	166,200	
28	28	Phạm Văn Đạo	Điền Nhi	4	166,200	

29	29	Phạm Văn Sĩ	Điền Nhi	1	166,200	
30	30	Phạm Văn Luân	Điền Nhi	1	166,200	
31	31	Bùi Thị Thê	Điền Nhi	1	166,200	
32	32	Phạm Thị Thắng	Điền Nhi	1	166,200	
33	33	Phạm Thị Ném	Điền Nhi	1	166,200	
34	34	Phạm Thị Ốc	Điền Nhi	1	166,200	
Tổng cộng: 34 hộ					5,650,800	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ GIA KHÁNH
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Số TT hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn, khu dân cư	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ (55.400đồng x 3 tháng)	Ghi chú
1	1	Vũ Thị Nga	Bình Đê	1	166,200	
2	2	Nguyễn Thị Ngoa	Bình Đê	1	166,200	
3	3	Đặng Thị Thanh Trang	Bình Đê	2	166,200	
4	4	Nguyễn Thị Lại	Bình Đê	1	166,200	
5	5	Nguyễn Đức Trọng	Bình Đê	2	166,200	
6	6	Phạm Thị Yên	Cao Lý	1	166,200	
7	7	Phạm Thị Cừ	Cao Lý	1	166,200	
8	8	Phạm Thị Lác	Cao Lý	1	166,200	
9	9	Nguyễn Thị Thường	Cao Lý	1	166,200	
10	10	Phạm Thị Viễn	Cao Lý	2	166,200	
11	11	Phạm Thị Thơm	Cao Lý	1	166,200	
12	12	Phạm Thị Thúy	Gia Bùi	1	166,200	
13	13	Phạm Thị Tẹo	Gia Bùi	1	166,200	
14	14	Nguyễn Thị Ngờ	Cao Dương	1	166,200	

15	15	Nguyễn Thị Xúc	Cao Dương	1	166,200	
16	16	Đỗ Thị Nuôi	Cao Dương	1	166,200	
17	17	Phạm Thị Tờ	Cao Dương	1	166,200	
18	18	Nguyễn Văn Sinh	Cao Dương	2	166,200	
19	19	Phạm Văn Đồng	Cao Dương	3	166,200	
		Tổng cộng			3,157,800	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHÈO XÃ YẾT KIÊU
QUÍ II- NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số tiền được hỗ trợ (55.400đồng x 3 tháng)	Ghi chú
1	Vũ Thị Nhiên	Vân Am	166,200	
2	Đoàn Thị Vườn	Vân Am	166,200	
3	Vũ Đình Mong	Vân Am	166,200	
4	Phạm Thị Huyền	Vân Am	166,200	
5	Vũ Đình Tỳ	Vân Am	166,200	
6	Lê Thị Tiến	Vân Am	166,200	
7	Mai Quang Dậu	Vân Am	166,200	
8	Lê Thị Họa	Thượng Bì 1	166,200	
9	Phạm Thị Mến	Thượng Bì 1	166,200	
10	Phạm Thị Gái	Thượng Bì 1	166,200	
11	Vũ Xuân Tuyển	Thượng Bì 1	166,200	
12	Nguyễn Thị Vẻ	Thượng Bì 1	166,200	
13	Vũ Xuân Tải	Thượng Bì 1	166,200	
14	Vũ Xuân Đồi	Thượng Bì 1	166,200	
15	Nguyễn Văn Dung	Thượng Bì 1	166,200	
16	Phạm Duy Tuyển	Thượng Bì 1	166,200	
17	Vũ Đức Vụ	Thượng Bì 1	166,200	
18	Vũ Thị Thúy	Thượng Bì 2	166,200	
19	Dương Văn Phan	Thượng Bì 2	166,200	
20	Lê Bá Huỳnh	Thượng Bì 2	166,200	
21	Phạm Thị Bé	Thượng Bì 2	166,200	
22	Vũ Thị Cỏn	Thượng Bì 2	166,200	
23	Nguyễn Thị Ninh	Thượng Bì 2	166,200	
24	Vũ Thị Vĩnh	Thượng Bì 2	166,200	
25	Lê Minh Ngợi	Thượng Bì 2	166,200	
26	Trịnh Thị Tảo	Thượng Bì 2	166,200	
27	Vũ Xuân Luân	Thượng Bì 2	166,200	
28	Vũ Thị Ngưỡng	Thượng Bì 2	166,200	

29	Vũ Văn Vươn	Thượng Bì 2	166,200	
30	Vũ Đăng Rộng	Thượng Bì 2	166,200	
31	Phạm Thị Chăm	Thượng Bì 2	166,200	
32	Vũ Thị Cài	Hoàng Kim	166,200	
33	Vũ Thị Nhung	Hoàng Kim	166,200	
34	Tăng Đình Lâm	Hoàng Kim	166,200	
35	Vũ Ngọc Dũng	Hoàng Kim	166,200	
36	Cao Thị Sử	Hoàng Kim	166,200	
37	Trần Thị Dung	Hoàng Kim	166,200	
38	Phạm Thị Huế	Hạ Bì	166,200	
39	Đoàn Thị Tân	Hạ Bì	166,200	
40	Vũ Xuân Khoát	Hạ Bì	166,200	
41	Vũ Thị Hút	Hạ Bì	166,200	
42	Phạm Thị Trạc	Hạ Bì	166,200	
43	Vũ Tất Rêu	Hạ Bì	166,200	
44	Vũ Tất Hữu	Hạ Bì	166,200	
45	Phạm Quang Thuần	Hạ Bì	166,200	
46	Vũ Xuân Nghĩa	Hạ Bì	166,200	
47	Vũ Xuân Dũng	Hạ Bì	166,200	
48	Vũ Xuân Mạnh	Hạ Bì	166,200	
49	Đoàn Thị Hạc	Khuông phụ	166,200	
50	Đoàn Văn Thông	Khuông phụ	166,200	
51	Đoàn Văn Vinh	Khuông phụ	166,200	
52	Nguyễn Văn Năm	Khuông Phụ	166,200	
53	Phạm Thị Thoan	Hưng Long	166,200	
54	Phạm Hữu Bích	Hưng Long	166,200	
55	Nguyễn Thị Kỳ	Hưng Long	166,200	
56	Vũ Thị Đình	Hưng Long	166,200	
57	Trần Thị Gái	Bá Đại	166,200	
58	Lê Thị Thuốc	Bá Đại	166,200	
59	Lê Thị Sáu	Bá Đại	166,200	
60	Trần Thị Thiện	Bá Đại	166,200	
61	Lê Tiến Đạo	Bá Đại	166,200	
62	Trần Quý Mạnh	Bá Đại	166,200	
63	Vũ Bá Hưởng	Trịnh Thanh Vân	166,200	
64	Phạm Đình Thiệu	Trịnh Thanh Vân	166,200	
65	Vũ Thị Phương	Trịnh Thanh Vân	166,200	

66	Lê Văn Chín	Trịnh Thanh Vân	166,200	
67	Vũ Thị Hên	Trịnh Thanh Vân	166,200	
68	Phạm Thị Nụ	Trịnh Thanh Vân	166,200	
69	Lê Thị Mến	Trịnh Thanh Vân	166,200	
70	Vũ Hữu Nhẫn	Trịnh Thanh Vân	166,200	
71	Hoàng Văn Lý	Lương Nham	166,200	
72	Tăng Thị Bình	Lương Nham	166,200	
73	Phạm Thị Tình	Lương Nham	166,200	
74	Vũ Hùng Khi	Lương Nham	166,200	
75	Nguyễn Thị Bé	Lương Nham	166,200	
76	Hoàng Văn Quanh	Lương Nham	166,200	
77	Đoàn Văn Yên	Lương Nham	166,200	
78	Vũ Thị Vân	Lương Nham	166,200	
79	Đỗ Thị Leo	Tiên Lý	166,200	
80	Hoàng Thị Kê	Tiên Lý	166,200	
81	Phạm Văn Vụ	Tiên Lý	166,200	
82	Phạm Thị Nguyệt	Tiên Lý	166,200	
83	Lê Thị Thái	Phương xá	166,200	
84	Đoàn Văn Phiến	Phương xá	166,200	
85	Vũ Văn Tý	Phương xá	166,200	
86	Vũ Minh Tuấn	Phương xá	166,200	
87	Nguyễn Văn Vọi	Khăn	166,200	
88	Phạm Thị Thắm	Khăn	166,200	
89	Phạm Văn Sáng	Khăn	166,200	
90	Phạm Thị Đỏ	Khăn	166,200	
91	Phạm Thị Vượng	Gạch	166,200	
92	Hoàng Văn Chấn	Gạch	166,200	
93	Phan Văn Tý	Gạch	166,200	
94	Phạm Thị Hộp	Gạch	166,200	
95	Phạm Văn Tốt	Huyền Búa	166,200	
96	Vũ Thị Thọa	Huyền Búa	166,200	
97	Phạm Thị Táo	Huyền Búa	166,200	
98	Tăng Xuân Lịch	Huyền Búa	166,200	
99	Phạm Thị Khắt	Lương Xá	166,200	
100	Phạm Thị Lím	Lương Xá	166,200	
101	Vũ Văn Diễm	Lương Xá	166,200	
102	Đoàn Thị Nức	Lương Xá	166,200	

103	Vũ Thị Tâm	Lương Xá	166,200	
	Tổng cộng:		17,118,600	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LỘC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TIỀN ĐIỆN HỘ NGHEÒ XÃ GIA LƯƠNG
QUÍ II - NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND huyện)

STT	Số TT hộ nghèo	Họ và tên chủ hộ	Thôn	Số người trong hộ	Số tiền được hỗ trợ	Ghi chú
1	1	Nguyễn Thị Dẫu	Thành Lập	1	166,200	
2	2	Nguyễn Thị Ngà	Thành Lập	2	166,200	
3	3	Nguyễn Thị Sê	Thành Lập	1	166,200	
4	4	Nguyễn Thị Hương	Đồng Tâm	2	166,200	
5	5	Nguyễn Thị Chinh	Đồng Tâm	1	166,200	
6	6	Nguyễn Thị Thực	Đồng Tâm	2	166,200	
7	7	Nguyễn Thị Duyên	Đồng Tâm	1	166,200	
8	8	Nguyễn Thị Nhuân	Cộng Hòa	1	166,200	
9	9	Nguyễn Thị Bốn	Cộng Hòa	2	166,200	
10	10	Nguyễn Thị Vui	Cộng Hòa	1	166,200	
11	11	Nguyễn Thị Nga	Cộng Hòa	2	166,200	
12	12	Nguyễn Thị Gái (Mận)	Cộng Hòa	1	166,200	
13	13	Đoàn Thị Bắc	Cộng Hòa	1	166,200	
14	14	Nguyễn Văn Thanh	Xuân Trình	2	166,200	
15	15	Phạm Thị Dương	Xuân Trình	1	166,200	
16	16	Vũ Thị Tươi	Xuân Trình	1	166,200	
17	17	Nguyễn Thị Buông	Xuân Trình	1	166,200	
18	18	Phạm Thị Gái	Xuân Trình	1	166,200	
19	19	Phạm Thị Côi	Lũy Dương	1	166,200	
20	20	Phạm Thị Hưng	Lũy Dương	1	166,200	
21	21	Đặng Thị Hoà	Lũy Dương	1	166,200	
22	22	Phạm Thị Hoạch	Lũy Dương	1	166,200	
23	23	Đồng Thị Thuý	Lũy Dương	2	166,200	
24	24	Hoàng Thị Thao	Lũy Dương	2	166,200	

25	25	Phạm Thị Hợp	Lũy Dương	2	166,200	
26	26	Dương Thị Bằng	Lũy Dương	1	166,200	
27	27	Phạm Văn Quyết	Lũy Dương	4	166,200	
28	28	Phạm Thị Hồng	Lũy Dương	1	166,200	
29	29	Phạm Thị Phong	Lũy Dương	1	166,200	
30	30	Phạm Thị Tấn	Lũy Dương	1	166,200	
31	31	Đông Thị Chinh	Lũy Dương	1	166,200	
32	32	Phạm Thị Dung	Lũy Dương	1	166,200	
33	33	Phạm Thị Cam	Lũy Dương	3	166,200	
Tổng cộng: 33 hộ					5,484,600	